

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC MÔN HÓA HỌC LỚP 9
TUẦN 6

NỘI DUNG	GHI CHÚ
- Tên bài học: TÍNH CHẤT HÓA HỌC CỦA BASE - Khối lớp 9	
Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.	I. TÍNH CHẤT HÓA HỌC CỦA BASE 1. Tác dụng của dd base với chất chỉ thị màu - TN: (H 1.14 SGK) + Nhỏ 1 giọt dd NaOH lên mẫu giấy quì tím -> Quan sát ? + Nhỏ 1 giọt dd phenol không màu vào ống nghiệm đựng dd NaOH -> Quan sát ? - Nhận xét: Các dd base (kiềm) làm đổi màu chất chỉ thị: + Quì tím thành màu xanh + DD phenolphetalein không màu thành màu đỏ 2. Tác dụng của dd base với acidic oxide Dd base (kiềm) tác dụng với acidic oxide tạo thành muối và nước PTHH: $\text{Ca(OH)}_2 + \text{SO}_2 \rightarrow \text{CaSO}_3 + \text{H}_2\text{O}$ $2\text{KOH} + \text{SO}_2 \rightarrow \text{K}_2\text{SO}_3 + \text{H}_2\text{O}$ 3. Tác dụng của base với acid Base tan và không tan đều tác dụng với acid → muối và nước PTHH: $\text{Ca(OH)}_2 + 2\text{HCl} \rightarrow \text{CaCl}_2 + 2\text{H}_2\text{O}$ 4. Base không tan bị nhiệt phân hủy - Thí nghiệm: (H 1.16 SGK) - Kết luận: base không tan bị nhiệt phân hủy thu được basic oxide và nước PTHH: $\text{Cu(OH)}_2 \rightarrow \text{CuO} + \text{H}_2\text{O}$ 5. DD base còn tác dụng với muối (học ở bài muối)
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học. Dựa vào kiến thức về oxide, acid để làm bài tập.	II. BÀI TẬP *Làm bài tập 1,2,3 sgk trang 25 *Bài tập thêm: Hoàn thành các phương trình hóa học sau: (kiến thức về oxide và acid) 1/ $\text{Na}_2\text{O} + \text{H}_2\text{O} \rightarrow 2\text{NaOH}$ 2/ $\text{CaO} + \text{H}_2\text{O} \rightarrow \text{Ca(OH)}_2$ 3/ $\text{Na}_2\text{O} + 2\text{HCl} \rightarrow 2\text{NaCl} + \text{H}_2\text{O}$ 4/ $\text{CuO} + \text{H}_2\text{SO}_4 \rightarrow \text{CuSO}_4 + \text{H}_2\text{O}$ 5/ $\text{CaO} + \text{CO}_2 \rightarrow \text{CaCO}_3$ 6/ $\text{K}_2\text{O} + \text{N}_2\text{O}_5 \rightarrow 2\text{KNO}_3$ 7/ $\text{SO}_2 + \text{H}_2\text{O} \rightarrow \text{H}_2\text{SO}_3$ 8/ $\text{CO}_2 + \text{H}_2\text{O} \rightarrow \text{H}_2\text{CO}_3$

	9/ $\text{CO}_2 + \text{Ca(OH)}_2 \rightarrow \text{CaCO}_3 + \text{H}_2\text{O}$ 10/ $\text{SO}_2 + 2\text{KOH} \rightarrow \text{K}_2\text{SO}_3 + \text{H}_2\text{O}$ 11/ $\text{Zn} + 2\text{HCl} \rightarrow \text{ZnCl}_2 + \text{H}_2$ 12/ $2\text{Al} + 3\text{H}_2\text{SO}_4 \rightarrow \text{Al}_2(\text{SO}_4)_3 + 3\text{H}_2$ 13/ $2\text{H}_2\text{SO}_4 \text{ đặc, nóng} + \text{Cu} \rightarrow \text{CuSO}_4 + 2\text{H}_2\text{O} + \text{SO}_2$ 14/ $\text{HCl} + \text{NaOH} \rightarrow \text{NaCl} + \text{H}_2\text{O}$ 15/ $\text{H}_2\text{SO}_4 + \text{Ca(OH)}_2 \rightarrow \text{CaSO}_4 + 2\text{H}_2\text{O}$ 16/ $\text{Na}_2\text{SO}_3 + \text{H}_2\text{SO}_4 \rightarrow \text{Na}_2\text{O}_4 + \text{SO}_2 + \text{H}_2\text{O}$ 17/ $\text{BaSO}_3 + 2\text{HCl} \rightarrow \text{BaCl}_2 + \text{SO}_2 + \text{H}_2\text{O}$ 18/ $2\text{SO}_2 + \text{O}_2 \rightarrow 2\text{SO}_3$ 19/ $\text{CaCO}_3 \rightarrow \text{CaO} + \text{CO}_2$ 20/ $4\text{FeS}_2 + 11\text{O}_2 \rightarrow 8\text{SO}_2 + 2\text{Fe}_2\text{O}_3$
- Tên bài học: MỘT SỐ BASE QUAN TRỌNG - Khối lớp 9	
Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.	A. NATRI HIĐROXIT(SODIUM HYDROXIDE) I.Tính chất vật lý (SGK trang 26) II. Tính chất hoá học (Tự học có hướng dẫn) NaOH có các t/c hoá học của base tan 1. Dd NaOH làm quỳ tím hóa xanh, phenol phtalein không màu hóa đỏ 2. Tác dụng với acid $\rightarrow$ Muối + H_2O $\text{NaOH} + \text{HNO}_3 \rightarrow \text{NaNO}_3 + \text{H}_2\text{O}$ 3. Tác dụng với acidic oxide $\rightarrow$ Muối + H_2O $2\text{NaOH} + \text{SO}_3 \rightarrow \text{Na}_2\text{SO}_4 + \text{H}_2\text{O}$ 4. Tác dụng với dd muối(học ở bài muối) III. Ứng dụng (sgk trang 26) IV. Sản xuất natri hidroxit (Sodium hydroxide) PT điện phân dd NaCl: $2\text{NaCl} + 2\text{H}_2\text{O} \rightarrow 2\text{NaOH} + \text{H}_2 + \text{Cl}_2$ B. CANXI HIĐROXIT(CALCIUM HYDROXIDE) I. Tính chất 1. Pha chế dd Ca(OH)_2:(SGK trang 28) 2. Tính chất hoá học (Tự học có hướng dẫn) Ca(OH)_2 có tính chất hoá học của base tan: a. Làm đổi màu chất chỉ thị Dung dịch Ca(OH)_2 : làm đổi màu quỳ tím thành xanh, làm dung dịch phenolphtalein không màu thành đỏ b. Tác dụng với acid $\rightarrow$ muối + nước $\text{Ca(OH)}_2 + 2\text{HCl} \rightarrow \text{CaCl}_2 + \text{H}_2\text{O}$ c. Tác dụng với acidic oxide $\rightarrow$ muối + nước $\text{Ca(OH)}_2 + \text{CO}_2 \rightarrow \text{CaCO}_3 + \text{H}_2\text{O}$ 3. Ứng dụng (sgk trang 29) II. Thang pH (sgk trang 29)

Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học. Dựa vào kiến thức về tính chất hóa học của base và một số base quan trọng, để làm bài tập.	C.BÀI TẬP *Làm bài tập 2,3 sgk trang 25 Hướng dẫn: Câu 2: $\text{Cu}(\text{OH})_2$, $\text{Ba}(\text{OH})_2$, NaOH a) Base tác dụng với dd HCl: $\text{Cu}(\text{OH})_2$, $\text{Ba}(\text{OH})_2$, NaOH $\text{Cu}(\text{OH})_2 + 2\text{HCl} \rightarrow \text{CuCl}_2 + 2\text{H}_2\text{O}$ $\text{Ba}(\text{OH})_2 + 2\text{HCl} \rightarrow \text{BaCl}_2 + 2\text{H}_2\text{O}$ $\text{NaOH} + \text{HCl} \rightarrow \text{NaCl} + \text{H}_2\text{O}$ b) Base tác dụng với CO_2: $\text{Ba}(\text{OH})_2$, NaOH $\text{Ba}(\text{OH})_2 + \text{CO}_2 \rightarrow \text{BaCO}_3 + \text{H}_2\text{O}$ $2\text{NaOH} + \text{CO}_2 \rightarrow \text{Na}_2\text{CO}_3 + \text{H}_2\text{O}$ c) Base bị nhiệt phân hủy: $\text{Cu}(\text{OH})_2$ $\text{Cu}(\text{OH})_2 \rightarrow \text{CuO} + \text{H}_2\text{O}$ d) Base đổi màu quì tím thành xanh: $\text{Ba}(\text{OH})_2$, NaOH Câu 3: Phương trình điều chế dung dịch base $\text{Na}_2\text{O} + \text{H}_2\text{O} \rightarrow 2\text{NaOH}$ $\text{CaO} + \text{H}_2\text{O} \rightarrow \text{Ca}(\text{OH})_2$ *Làm bài tập 1sgk trang 27 Hướng dẫn: - Cho quì tím tác dụng với mỗi mẫu thử: + mẫu thử quì tím hóa xanh là NaOH, $\text{Ba}(\text{OH})_2$ + mẫu thử quì tím không đổi màu là NaCl - Cho dd H_2SO_4 tác dụng với 2 mẫu thử còn lại: + mẫu thử có sinh ra kết tủa trắng là $\text{Ba}(\text{OH})_2$ + mẫu thử còn lại sinh ra dd không màu là NaOH $\text{Ba}(\text{OH})_2 + \text{H}_2\text{SO}_4 \rightarrow \text{BaSO}_4 + 2\text{H}_2\text{O}$ $2\text{NaOH} + \text{H}_2\text{SO}_4 \rightarrow \text{Na}_2\text{SO}_4 + 2\text{H}_2\text{O}$
Học sinh làm bài kiểm tra 15 phút ra giấy và nộp lại cho người phát bài vào tuần tiếp theo nhé.	Họ và Tên :..... KIỂM TRA 15 PHÚT Lớp :..... HÓA 9 Câu 1: (5 điểm) Hoàn thành các phương trình hóa học sau : 1/ $\text{Mg} + \text{HCl} \rightarrow$ 2/ $\text{SO}_3 + \text{H}_2\text{O} \rightarrow$ 3/ $\text{Na}_2\text{O} + \text{CO}_2 \rightarrow$ 4/ $\text{CaCO}_3 \rightarrow$ 5/ $\text{KOH} + \text{SO}_2 \rightarrow$ 6/ $\text{CuO} + \text{H}_2\text{SO}_4 \rightarrow$ 7/ $\text{CaO} + \text{H}_2\text{O} \rightarrow$ 8/ $\text{Zn}(\text{OH})_2 + \text{H}_2\text{SO}_4 \rightarrow$ 9/ $\text{CaSO}_3 + \text{HCl} \rightarrow$ 10/ $\text{Cu} + \text{H}_2\text{SO}_4 \text{ đặc, nóng} \rightarrow$ Câu 2: (3 điểm) : Quan sát hiện tượng, nhận xét, viết phương trình phản ứng xảy ra của thí nghiệm sau: Cho vào ống nghiệm một ít kim loại Al, thêm 1-2 ml dung dịch HCl vào, lắc nhẹ. Câu 3: (2 điểm): Bằng phương pháp hóa học hãy nhận biết

	các dung dịch không màu sau đựng trong các lọ không nhãn : H_2SO_4 , HCl
--	--

Nếu có thắc mắc em có thể liên hệ GVBM số điện thoại: 0364996372